

Số: 4366 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của UBND tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 182/TTr-SLĐTBXH ngày 29 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội dự thảo Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính nội bộ của UBND tỉnh kèm theo Phương án đơn giản hóa đã được thông qua tại Quyết định này, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để theo dõi);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG
LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Thủ tục 1: Xét thăng hạng viên chức từ Nhân viên công tác xã hội lên Công tác xã hội viên.

Thủ tục 2: Xét thăng hạng viên chức từ Công tác xã hội viên lên Công tác xã hội viên chính.

Thủ tục 3: Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động lên Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động.

Thủ tục 4: Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động lên Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động

1. Nội dung đơn giản hóa của thủ tục 1 đến thủ tục 4

a) Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ do viên chức nộp, gồm:

- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng.

Lý do: Các thành phần hồ sơ nêu trên đều được lưu giữ trong hồ sơ viên chức tại cơ quan, đơn vị; đồng thời, hiện nay các giấy tờ trên được cập nhật đầy đủ trên phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tại địa chỉ:

<https://thanhhoa.vnerp.vn/web/login>. Do vậy, đơn vị sử dụng viên chức có thể tiến hành tra cứu hồ sơ lưu tại cơ quan hoặc trên phần mềm hoặc yêu cầu viên chức mang bản gốc văn bằng đến đối chiếu để tiến hành kiểm tra, lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng mà không cần thiết phải yêu cầu viên chức phô tô, chứng thực (văn bằng, chứng chỉ, giấy khen, sơ yếu lý lịch, bản nhận xét, .v.v..) nộp lại cho cơ quan, nhằm giảm thời gian, công sức, chi phí cho viên chức. Thay cho việc viên chức phải nộp hồ sơ xét thăng hạng thì Đơn vị sử dụng viên chức sẽ rà soát hồ sơ, yêu cầu, điều kiện và lập danh sách viên chức đủ điều kiện xét thăng hạng gửi cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về danh sách đó.

b) Về thời hạn giải quyết: Đề nghị Chính phủ quy định cụ thể thời gian thực hiện của từng cơ quan, đơn vị tham gia vào quy trình xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ rà soát, lập danh sách; tổng hợp danh sách, lập đề án, phê duyệt đề án, thành lập Hội đồng xét tuyển,...đối với Công tác xã hội viên nói riêng và Chức danh viên chức nghề nghiệp nói chung.

Lý do: Tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 được bổ sung bởi khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 và tại Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ mới quy định thời gian thực hiện đối với việc thông báo kết quả và bổ nhiệm xếp lương viên chức trúng tuyển, chưa quy định đầy đủ, cụ thể thời gian thực hiện đối với các bước tổ chức xét thăng hạng. Do đó, để đảm bảo đúng quy định đề nghị bổ sung thời gian giải quyết cho từng cơ quan, từng nhiệm vụ cụ thể và tổng thời gian giải quyết của thủ tục hành chính, tránh tình trạng kéo dài thời gian, tùy nghi ở mỗi địa phương, đơn vị.

2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Đề nghị Chính phủ quy định đầy đủ, cụ thể thời gian thực hiện các bước trong quy trình tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Thủ tục 1: Xét thăng hạng viên chức từ Nhân viên công tác xã hội lên Công tác xã hội viên.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 61.730.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25.040.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 36.690.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 59,4%.

Thủ tục 2: Xét thăng hạng viên chức từ Công tác xã hội viên lên Công tác xã hội viên chính.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 52.355.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25.040.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 27.315.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,2%.

Thủ tục 3: Xét thăng hạng viên chức từ Kỹ thuật viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động lên Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 55.480.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25.040.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 30.440.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 54,9%.

Thủ tục 4: Xét thăng hạng viên chức từ Kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động lên Kiểm định viên chính kỹ thuật an toàn lao động.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 52.355.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25.040.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 27.315.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,2%./.